

Bản án số: **214** /2024/HS-ST
Ngày 27 - 9 - 2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Ngọc Kính.

2. Bà Đặng Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Trần Đức Khuê - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 255/2024/TLST-HS ngày 06 tháng 9 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 339/2024/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2024, đối với bị cáo:

Trương Minh T; sinh năm 1990, tại Sóc Trăng; nơi cư trú (nơi đăng ký thường trú: Ấp L, xã V, huyện T, tỉnh Sóc Trăng; chỗ ở: K B, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ học vấn: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn Q và bà Lý Thị P; có vợ tên Võ Thị Ngọc H và 02 con, con lớn sinh năm 2015, con nhỏ sinh năm 2024; tiền án, tiền sự: Không.

Bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/6/2024 đến nay. (có mặt)

- Bị hại:

1. Chị Lê Hoài P1, sinh năm 2000; nơi cư trú (HKTT: K B, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Y B, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

2. Anh Tiêu Vĩnh P2, sinh năm 1994; nơi cư trú (HKTT: Y1 L1, Phường A, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: Y B, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh). (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Minh T được bà Phạm Thị L (sinh năm 1964) nhận làm con nuôi từ năm 2018. Vào khoảng ngày 26/5/2024, T qua nhà bà L tại số G B, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh chơi. Tại đây, T có nghe lén được chị Lê Hoài P1 (con gái của bà L) và anh Tiêu Vĩnh P2 (bạn trai của chị P1) nói chuyện với nhau về chuyện anh P2 và chị P1 có để tiền tiết kiệm cất trong phòng của anh P2 và chị P1 ở trên lầu căn nhà số G B, Phường E, Quận H. Do đang thiếu nợ, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền tiết kiệm của anh P2 và chị P1. Đến khoảng ngày 27/5/2024, trong lúc T đang bán thịt heo cùng với bà L thì bà L có đưa chìa khóa căn nhà số G B, Phường E, Quận H để T về nhà lấy đồ giúp bà L. Do đã có ý định trộm cắp tiền từ trước, lúc này lợi dụng việc có chìa khóa nhà, T đem chìa khóa này đến trước số A L tỉnh 5, Phường E, Quận H thuê thợ sửa khoá ven đường đúc thành 02 chìa khóa tương tự rồi giữ lại 02 chìa khóa mới đúc, còn chìa khóa chính thì T trả lại cho bà L. Do T biết rõ lịch sinh hoạt của gia đình bà L là tất cả những người trong nhà sẽ rời khỏi nhà ra chợ buôn bán vào khoảng 04 giờ 30 phút hàng ngày. Do đó, vào khoảng 05 giờ 20 phút, ngày 01/6/2024, T điều khiển xe mô tô hiệu Airblade, biển số 83X1-051.70 từ nhà của T (địa chỉ: 1 B, Phường E, Quận H) đến nhà bà L. Khi đến nơi, T thấy nhà khóa cửa ngoài nên đã dùng chìa khóa đã đúc trước đó mở khóa cửa đi vào trong căn nhà trên. T đi lên lầu mở cửa (cửa không khóa) và đi vào phòng của anh P2 và chị P1. T tìm trong phòng thì phát hiện có 03 hộp giấy được để dưới gầm bàn để đồ trang điểm. T kéo 03 hộp giấy và mở ra thì nhìn thấy bên trong 03 hộp giấy này có đựng nhiều tờ tiền có nhiều mệnh giá. Lúc đó, T không đếm mà lấy toàn bộ số tiền trong 03 hộp giấy bỏ vào trong 01 bịch nylon màu trắng mà T mang theo. Sau khi lấy được tiền, để tạo hiện trường giả là có người từ ngoài đột nhập vào nhà theo lối hành lang trộm cắp tiền nên T mở cửa hành lang trên lầu (cửa này chỉ móc khóa hờ). Sau đó, T giấu bịch nylon đựng tiền vừa trộm được vào trong áo phía trước bụng rồi đi xuống tầng trệt và đi ra khỏi nhà. T dùng chìa khóa đúc sẵn khóa cửa nhà lại như ban đầu rồi điều khiển xe mô tô biển số 83X1-051.70 về nhà T. Tại đây, do bịch nylon màu trắng nhỏ nên T lấy toàn bộ số tiền trong đó ra bỏ vào trong 01 bịch nylon màu đen lớn hơn rồi cất giấu bịch nylon đựng tiền vào cốp xe mô tô biển số 83P2-104.76 (xe của T để trong nhà). Sau đó, T đi phụ bà L giao thịt heo. Trên đường đi giao thịt, T vứt bỏ 01 bịch nylon màu trắng, 02 chìa khóa đã đúc trước đó, 01 áo sơ mi tay dài màu trắng và 01 nón lưỡi trai màu xanh xuống đường. Đến khoảng 12 giờ cùng ngày, T về nhà ngủ. Phát hiện bị mất tài sản, vào lúc 12 giờ 30 phút ngày 01/6/2024, chị Lê Hoài P1 đến Công an P3, Quận H trình báo. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Công an P3, Quận H kiểm tra phát hiện sự việc T trộm cắp và thu giữ toàn bộ vật chứng liên quan, đưa về trụ sở Công an làm việc. Tổng số tiền T chiếm đoạt là 127.274.000 đồng.

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu; xử lý vật chứng:

- 01 xe mô tô màu xanh trắng biển số 83P2-104.76.
- 01 bịch nylon màu đen.
- 01 đĩa tròn CD hiệu Maxell, do anh Trương Minh T1 cung cấp, ghi hình đối tượng Trương Minh T tẩu thoát sau khi chiếm đoạt tài sản.

Về trách nhiệm dân sự: Số tiền 127.274.000 đồng, ngày 04/6/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an Q1 đã ra Quyết định xử lý vật chứng bằng cách trao trả cho chị P1. Chị P1 không yêu cầu gì thêm.

Tại bản Cáo trạng số 225/CT-VKS-Q8 ngày 04/9/2024, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trương Minh T về tội “Trộm cắp tài sản”, theo điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản”. Sau khi phân tích, đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo từ 02 năm đến 03 năm tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, do các bị hại xác định không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên không xem xét.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận; bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội, ăn năn hối cải và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Q1, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xác định: Vào khoảng 05 giờ 20 phút, ngày 01/6/2024, tại số G B, Phường E, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh, Trương Minh T có hành vi lén lút chiếm đoạt của chị Lê Hoài P1 và anh Tiêu Vĩnh P2 số tiền 127.274.000 đồng.

[3] Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) quy định về tội “Trộm cắp tài sản” như sau:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng.”

[4] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý, đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Như vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ xác định hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Xét tính nghiêm trọng của tội phạm mà bị cáo đã thực hiện, cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định bằng hình phạt tù có thời hạn nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người có ích, có ý thức tuân theo pháp luật và các quy tắc của cuộc sống, ngăn ngừa phạm tội mới; đồng thời phòng ngừa và đấu tranh chống tội phạm trong xã hội.

[6] Cáo trạng Viện kiểm sát truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” là có cơ sở, đúng người, đúng tội. Mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân Quận 8 đề nghị áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội nên có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu; tài sản chiếm đoạt đã thu hồi trả lại cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại cho bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

[7] Xét thấy, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, điều kiện kinh tế còn khó khăn, vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về xử lý vật chứng vụ án:

- 01 bịch nylon màu đen, T dùng vào việc cất giấu tiền chiếm đoạt được, xét đây là công cụ phạm tội và không có giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

- 01 xe mô tô màu xanh trắng biển số 83P2-104.76, do T đứng tên chủ sở hữu, T dùng để cất giấu số tiền chiếm đoạt được, xét đây là công cụ phạm tội và còn giá trị sử dụng nên tịch thu sung quỹ nhà nước;

- Dữ liệu điện tử: 01 đĩa tròn CD hiệu Maxell do anh Trương Minh T1 cung cấp ghi lại hình ảnh Trương Minh T tẩu thoát sau khi chiếm đoạt tài sản, xét đây là tài liệu, chứng cứ có giá trị chứng minh tội phạm, tình tiết vụ án, anh T1 cũng không có nhu cầu nhận lại nên tiếp tục lưu theo hồ sơ vụ án.

[9] Về trách nhiệm dân sự: Các bị hại Lê Hoài P1 và Tiêu V không yêu cầu bị cáo bồi thường, xét đây là sự tự nguyện và quyền tự định đoạt của các đương sự nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ quy định của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 173; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Trương Minh T 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/6/2024.

- Căn cứ vào Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 bịch nylon màu đen.

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước: 01 xe mô tô màu xanh trắng biển số 83P2-104.76

(Theo Biên bản giao - nhận tang tài vật ngày 19/9/2024).

- Căn cứ vào các điều 135, 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Trương Minh T nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKS ND Quận 8;
- VKS ND TP. HCM;
- CQĐT CA Quận 8;
- CQ THA HS CA Quận 8;
- Nhà tạm giữ CA Quận 8;
- Chi cục THA DS Quận 8;
- Người tham gia tố tụng khác;
- TAND TP.HCM;
- Sở Tư pháp TP.HCM;
- PC53;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Phúc